

Số: 24 /NQ-HĐKĐCLGD

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin
của Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-KĐCLGDTL ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin của Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin của Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức đối với hình thức đào tạo chính quy và tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai và minh bạch theo đúng quy định và quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin của Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ mức 4 trở lên là 46/50 tiêu chí (chiếm 92%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (*Chi tiết trong Phụ lục I*). Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin của Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội đạt yêu cầu về chất lượng.

2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện 11 nhóm giải pháp bảo đảm, cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (*Chi tiết trong Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long ban hành Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin của Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- GD TTKĐCLGD Thăng Long;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCN CLGD;
- Trường ĐHCN, ĐHQGHN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Kim Phụng

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐKĐCLGD ngày 21 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| Tiêu chuẩn 1 | | 3,67 | 2 | 66,67 |
| Tiêu chí 1.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 1.2 | 3 | | | |
| Tiêu chí 1.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 2 | | 3,67 | 2 | 66,67 |
| Tiêu chí 2.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 2.2 | 3 | | | |
| Tiêu chí 2.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 3 | | 3,67 | 2 | 66,67 |
| Tiêu chí 3.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 3.2 | 3 | | | |
| Tiêu chí 3.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 4 | | 4,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 4.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 4.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 4.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 5 | | 3,80 | 4 | 80,00 |
| Tiêu chí 5.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.3 | 3 | | | |
| Tiêu chí 5.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.5 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 6 | | 4,29 | 7 | 100 |
| Tiêu chí 6.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.6 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.7 | 6 | | | |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| Tiêu chuẩn 7 | | 4,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 7.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.5 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 8 | | 4,20 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 8.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.4 | 5 | | | |
| Tiêu chí 8.5 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 9 | | 4,40 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 9.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 9.2 | 5 | | | |
| Tiêu chí 9.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 9.4 | 5 | | | |
| Tiêu chí 9.5 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 10 | | 4,17 | 6 | 100 |
| Tiêu chí 10.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.4 | 5 | | | |
| Tiêu chí 10.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.6 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 11 | | 4,40 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 11.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 11.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 11.3 | 5 | | | |
| Tiêu chí 11.4 | 5 | | | |
| Tiêu chí 11.5 | 4 | | | |

| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|----------------|-----------------|---------------------------|
| 4,08 | 46 | 92,00 |

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 21 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin (CTĐT) của Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, giai đoạn 2017 - 2022 cho thấy những điểm mạnh sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường; đáp ứng yêu cầu mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT xác định kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học, đáp ứng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Bản mô tả CTĐT được rà soát, cập nhật công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Tất cả các học phần trong chương trình dạy học được sắp xếp, phân kỳ giảng dạy theo trình tự hợp lý. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố rõ ràng được công bố công khai, phổ biến đến các bên liên quan. Giảng viên đã sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học lấy người học làm trung tâm. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả rõ yêu cầu về phương pháp giảng dạy và học tập để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, khuyến khích người học tìm tòi, sáng tạo mở rộng, nâng cao kiến thức. Quy trình và kế hoạch về đánh giá kết quả học tập của người học của Trường là rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học được giảng viên thực hiện đa dạng. Trường đã ban hành quy định về phúc khảo, xem lại bài thi kết thúc học phần. Quy trình và biểu mẫu giải quyết khiếu nại được công khai tới người học thông qua hệ thống đại học điện tử của Nhà trường, cố vấn học tập, qua các buổi sinh hoạt lớp đầu mỗi học kỳ. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên được quy hoạch đồng bộ từ cấp Đại học Quốc gia Hà Nội đến Trường/Khoa, phù hợp với yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Việc tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên được thực hiện đúng quy định, được công khai rộng rãi. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên được đào tạo và bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, có thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc, có nhiều bài báo đăng trên tạp chí ISI/Scopus, tạp chí trong nước có uy tín, có nhiều đề tài nghiệm thu cấp nhà nước, cấp Bộ/Đại học Quốc gia Hà Nội, cấp Trường và đề tài hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước. Trường/Khoa/các đơn vị đã thực hiện việc quản trị công việc của nhân viên; ban hành các văn bản, thực hiện phân công công việc, đánh giá, phân loại và bình xét thi đua - khen thưởng đối với nhân viên. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật hằng năm. Hoạt động hỗ trợ người học tích cực, hiệu quả, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao. Môi trường tâm lý, xã hội, thân thiện, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo

vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Nhà trường và Khoa Công nghệ thông tin có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp; có hệ thống thư viện số hoá, có nguồn học liệu, thông tin cho CTĐT phong phú và được cập nhật. Hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống phòng thực hành với trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Các phần mềm quản lý chuyên dụng được phát triển và sử dụng hiệu quả. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập; có những quy định, công cụ cần thiết để triển khai các hoạt động khảo sát, thu thập thông tin, làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học; có nhiều kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập. Tỷ lệ có việc làm của sinh viên qua khảo sát của Nhà trường ở mức rất cao. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được xác lập và giám sát. Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học của sinh viên được đầu tư thỏa đáng. Trường đã định kỳ tổ chức và giám sát việc thu thập ý kiến về sự hài lòng của các bên liên quan; đã thống kê, đối sánh tỷ lệ hài lòng của đơn vị giữa các năm, giữa các đơn vị để đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến các hoạt động của đơn vị.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường, Khoa Công nghệ thông tin cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, sử dụng các động từ phù hợp trong việc phát biểu chuẩn đầu ra để có thể đo lường, đánh giá được; tinh giản, giảm số lượng, chuẩn hóa chuẩn đầu ra theo hướng khái quát hóa những biểu hiện/thể hiện cho thấy người học có kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; định kỳ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát, chỉnh sửa chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Phân tích sâu hơn về nội hàm mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, cấu trúc CTĐT, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá trong việc đối sánh giữa các CTĐT trong và ngoài nước; rà soát, hoàn thiện đề cương của tất cả các học phần đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định hiện hành; cập nhật sự đóng góp của học phần vào việc thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT; xác định phương pháp kiểm tra đánh giá có phù hợp để xác định mức độ đạt được chuẩn đầu ra; đa dạng hóa các loại hình truyền thông, cần tạo điều kiện thuận tiện hơn trong tiếp cận thông tin về CTĐT, đề cương học phần đối với các bên liên quan.

3. Rà soát, điều chỉnh đề cương học phần trong CTĐT theo hướng phân nhiệm cụ thể các chuẩn đầu ra vào các học phần; giảm số lượng các học phần trong CTĐT; xây dựng nội dung, phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần để làm rõ hơn mức độ đóng góp của các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT; thống nhất thang đo mức độ đạt được của chuẩn đầu ra giữa CTĐT và học phần; xây dựng, ban hành quy định đối sánh chương trình dạy học, sâu hơn về mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối

lượng học tập, cấu trúc CTĐT và đề cương học phần để thông tin đối sánh thu thập được hỗ trợ tốt hơn cho việc cập nhật, sửa đổi chương trình dạy học.

4. Đa dạng hóa phương thức truyền thông, nâng cao hiệu quả quảng bá, phổ biến triết lý giáo dục đến các bên liên quan; quan tâm nhiều hơn các đến các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy, hỗ trợ giảng viên xác định nội dung tự học rõ ràng, hợp lý; cụ thể hóa phương pháp học tập và kiểm tra đánh giá áp dụng cho từng nội dung cụ thể được giao trong mục tự học.

5. Hướng dẫn và tập huấn đầy đủ về thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mục đích, yêu cầu đánh giá mức độ đạt được của các chuẩn đầu ra; tăng cường việc xây dựng ngân hàng đề thi trong kiểm tra đánh giá đối với các học phần thuộc CTĐT; rà soát, hướng dẫn/quy định và phương pháp kiểm tra đánh giá; rà soát các phương pháp kiểm tra đánh giá dùng cho toàn bộ học phần trong CTĐT theo hướng phù hợp với chuẩn đầu ra tương ứng và đảm bảo đo lường được, độ tin cậy và tính công bằng; thực hiện đối sánh điểm bộ phận với điểm thi kết thúc học phần, thống kê, phân tích điểm thi của sinh viên để đánh giá mức độ phù hợp và độ tin cậy của phương pháp kiểm tra đánh giá; khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về thời gian, phương thức phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá các học phần để có cơ sở cải tiến; lưu trữ và sử dụng hiệu quả số liệu thống kê về khiếu nại và sửa điểm để nâng cao chất lượng đào tạo.

6. Ban hành quy định về nhiệm vụ, hướng dẫn thực hiện, giám sát, đánh giá, quy đổi giờ phục vụ cộng đồng cho giảng viên, nghiên cứu viên; xây dựng bộ tiêu chí, công cụ, quy trình đánh giá năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên; khảo sát lấy ý kiến giảng viên, nghiên cứu viên về chất lượng, nội dung, thời gian và hiệu quả sau đào tạo; đề xuất với Đại học Quốc gia xây dựng tiêu chí phân loại, quản lý, nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước để xác định giá trị như đề tài cấp Bộ, cấp Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc cấp Trường nhằm tăng giá trị của sản phẩm khoa học công nghệ.

7. Rà soát, bổ sung hệ thống các văn bản về phát triển nhân lực; chính thức ban hành “Đề án vị trí việc làm” và “Đề án điều chỉnh, sắp xếp và phát triển tổ chức trong Trường Đại học Công nghệ” làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động đào tạo bồi dưỡng, phát triển, đánh giá đội ngũ nhân viên; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên; xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng dài hạn, trung hạn và hàng năm; tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến từng vị trí của nhân viên hỗ trợ.

8. Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về sự phù hợp của tiêu chí và phương pháp tuyển sinh; dự báo nhu cầu nguồn nhân lực theo từng ngành/nhóm ngành đào tạo làm cơ sở cải tiến chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh; nâng cấp, cải thiện môi trường cảnh quan sư phạm thông qua phát động phong trào thi đua “Tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp”.

9. Nhanh chóng xây dựng đưa vào hoạt động các phòng chức năng, phòng làm việc của giảng viên, phòng học/giảng đường tại cơ sở Hòa Lạc để đảm bảo

diện tích làm việc cho các giảng viên và diện tích trung bình/sinh viên đạt theo quy định; tách số liệu kết quả khảo sát cho từng ngành, từng khoa khi thống kê số liệu khảo sát các bên liên quan về các phòng chức năng, phòng làm việc của giảng viên, phòng học/giảng đường, cũng như kinh phí đầu tư trang thiết bị; xây dựng và ban hành quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường theo quy định hiện hành; khảo sát đầy đủ và thường xuyên các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật và phân tích số liệu khảo sát riêng từng ngành, từng khoa.

10. Xây dựng, ban hành quy định, quy trình rà soát, đánh giá, cải tiến các văn bản quản lý, điều hành các hoạt động của Trường; định kỳ rà soát, đánh giá Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và chương trình dạy học và cơ chế phản hồi của các bên liên quan; thường xuyên rà soát, đánh giá hoạt động dạy, học của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học; khuyến khích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của CTĐT; chú trọng phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, nghiên cứu, vận dụng mô hình hội đồng bảo đảm chất lượng bên trong hoặc thiết chế phù hợp, đảm bảo sự thông suốt hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan từ cấp chiến lược, hệ thống đến triển khai thực hiện.

11. Phân tích sâu nguyên nhân dẫn đến tình trạng sinh viên chậm tốt nghiệp, đưa ra giải pháp về tổ chức đào tạo, tạo điều kiện cho người học có thời gian hoàn thành CTĐT đúng hạn, rút ngắn thời gian tốt nghiệp; tổ chức hội thảo hoặc các hình thức trao đổi chuyên sâu với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về những yêu cầu mới trong nghề nghiệp, trong điều kiện nền kinh tế đang tiếp cận mạnh với kinh tế số; xây dựng phần mềm về quản trị Nhà trường để tích hợp các dữ liệu về khảo sát, để theo dõi, sử dụng, phân tích các dữ liệu về tình hình việc làm của sinh viên; ban hành văn bản quy định về kinh phí, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 11 nhóm giải pháp. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.